

Bí Quyết Làm Bài Thi Môn Sử Lớp 12

Phần I: Học như thế nào cho nhanh thuộc, dễ hiểu và nhớ lâu

Trong cấu trúc ra đề thi tuyển sinh vào đại học, cao đẳng liên tục nhiều năm nay chủ yếu đều nằm trong chương trình và sách giáo khoa Lịch Sử lớp 12 gồm 2 phần: Lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam. Phần kiến thức lịch sử thế thường chiếm 1/3 kiến thức của chương trình học và thi, phần lịch sử Việt Nam thường chiếm 2/3 lưu lượng kiến thức và số lượng câu hỏi trong đề thi. Vì vậy, tài liệu cơ bản nhất để học sinh có thể ôn và thi là tài liệu sách giáo khoa hiện hành của nhà xuất bản giáo dục.

A. Phần lịch sử Việt Nam

Đây là phần kiến thức chiếm khá nhiều về lưu lượng kiến thức và thời gian học trong cuốn sách giáo khoa hiện hành. Đây cũng là phần kiến thức thi bắt buộc với số lượng nhiều câu hỏi nhất (thông thường khoảng 3 câu hỏi trong đề thi hàng năm).

Chương trình thi tuyển sinh lâu nay của phần này là những kiến thức trong khoảng thời kỳ từ 1919 đến năm 2000. Để dễ học, dễ nhớ và có hiệu quả, khi ôn tập, học sinh cần nắm vững kiến thức theo từng thời kỳ, từng giai đoạn lịch sử. Mỗi giai đoạn lịch sử giải quyết những nội dung cơ bản gì, những nhiệm vụ cốt lõi gì? Gắn liền mỗi giai đoạn đó có những sự kiện tiêu biểu nào, sự kiện nào là tiêu biểu nhất? Từ đó khái quát được kết quả, ý nghĩa lịch sử và giúp học sinh rèn luyện kỹ năng thông hiểu, vận dụng, xâu chuỗi các sự kiện tiêu biểu lại với nhau trong mối quan hệ tương tác, nhân quả của sự kiện đó.

Ở giai đoạn từ 1919-1930: Khi ôn tập giai đoạn này, học sinh phải xác định nội dung chính, nhiệm vụ chính của cách mạng Việt Nam cần phải giải quyết là quá trình đấu tranh để xác lập khuynh hướng cứu nước mới khi ngọn cờ phong kiến đã thất bại và khuynh hướng dân chủ tư sản đã lỗi thời. Kiến thức khởi đầu làm tiền đề cho nhiều vấn đề khác của giai đoạn này là chương trình

khai thác thuộc địa lần thứ 2 của thực dân Pháp liên quan đến: sự chuyển biến về kinh tế và sự phân hoá xã hội, phong trào yêu nước, phong trào công nhân, hoạt động cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Sự kiện kết thúc cho giai đoạn này chính là sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) đánh dấu sự thắng thế hoàn toàn của khuynh hướng cứu nước vô sản và sự xác lập quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản, là bước ngoặt lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Tóm lại, vấn đề cốt lõi nhất của cách mạng Việt Nam giai đoạn này là quá trình chuẩn bị thành lập Đảng về tư tưởng chính trị và tổ chức. Trong quá trình chuẩn bị (hay có lúc gọi đó là quá trình vận động) để thành lập ở Việt Nam một chính đảng vô sản vào năm 1930 không tách rời quá trình hoạt động cách mạng của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.

Giai đoạn 1930-1945: Đây là giai đoạn mà lịch sử Việt Nam diễn ra nhiều sự kiện cùng với sự tác động của tình hình thế giới. Nhiệm vụ chính của cách mạng Việt Nam giai đoạn này là quá trình đấu tranh giành chính quyền trong 15 năm với nhiều giai đoạn 1930-1931, 1932-1935, 1936-1939, 1939-1945. Từ bối cảnh, diễn biến của từng giai đoạn đã chuẩn bị (tập dượt) những gì, để lại những bài học kinh nghiệm gì cho giai đoạn kế tiếp, cho sự bùng nổ và thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

Từ sự thay đổi của tình hình thế giới có ảnh hưởng, tác động đến trong nước như cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và sự xuất hiện chủ nghĩa phát xít; chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ, đặc biệt là những diễn biến quan trọng trên chiến trường châu Á-Thái Bình Dương như Nhật nhảy vào Đông Dương (9/1940), Nhật đảo chính Pháp (3/1945), Nhật đầu hàng quân Đồng Minh (8/1945... để học sinh thấy được hoàn cảnh thay đổi thì chủ trương thay đổi và Đảng ta đã có những đối sách gì trước sự chuyển biến mau lẹ đó thông qua các Hội nghị TW VI (11/1939), Hội nghị TW VII (11/1940), Hội nghị TW VIII (5/1941), Hội nghị Ban Thường vụ TW (3/1945), Hội nghị toàn quốc của Đảng (8/1945)...

Kết thúc giai đoạn này chính là sự thắng lợi của Tổng khởi nghĩa Tháng 8/1945 với sự ra đời của nước VNDCCH kết thúc cho 15 năm đấu tranh của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tóm lại, vấn đề cốt yếu nhất của lịch sử dân tộc giai đoạn này thực chất là quá trình chuẩn bị toàn diện cho Cách mạng tháng Tám thắng lợi, trong đó sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên đảm bảo cho sự thắng lợi là đường lối cách mạng giải phóng dân tộc được vạch ra ngay từ khi Đảng ra đời.

Giai đoạn 1945-1946: Học sinh cần phải khái quát được vấn đề cơ bản nhất của cách mạng nước ta giai đoạn này chính là cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền mới ra đời (nói ngắn gọn là giai đoạn giữ chính quyền) – thành quả cơ bản nhất của Cách mạng tháng Tám. Thực trạng “ngàn cân treo sợi tóc” với nhiều khó khăn thử thách đe dọa vận mệnh dân tộc buộc Đảng, Chính phủ đứng đầu là Hồ Chủ tịch phải xác định những khó khăn nào mang tính trước mắt, những khó khăn nào mang tính lâu dài để hoạch định và thực hiện nhiều quốc sách và giải pháp vừa cứng rắn, vừa mềm dẻo để phân hoá kẻ thù và tránh đụng độ cùng một lúc với nhiều kẻ thù, từng bước giữ vững thành quả của cách mạng, giữ vững được chính quyền, bảo vệ được độc lập dân tộc.

Giai đoạn 1946-1954: Vấn đề quan trọng đầu tiên trong giai đoạn này mà học sinh phải hiểu là đây là giai đoạn nhân dân ta phải tiến hành cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ nhằm bảo vệ và phát triển những thành quả cơ bản của Cách mạng tháng Tám là chính quyền quốc gia và nền độc lập của dân tộc, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. Vấn đề mà học sinh cần phải nêu lên và giải quyết là: Vì sao toàn quốc kháng chiến bùng nổ? Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến? Cuộc kháng chiến được mở đầu và kết thúc như thế nào? Từ đó học sinh mới rút ra được nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến. Cuộc kháng chiến được diễn ra trên nhiều mặt: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, ngoại giao nhưng thắng lợi trên mặt trận quân sự mang tính chất quyết định.

Có 4 thắng lợi quân sự mang tính chiến lược là: Mùa đông 1946 ở các đô thị từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc; Việt Bắc Thu – Đông 1947; Biên giới Thu – Đông 1950; Đông – Xuân 1953-1954 với đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên phủ 1954. Cuộc kháng chiến được kết thúc bằng chiến thắng quân sự là Điện Biên Phủ (7/5/1954) và thắng lợi ngoại giao là Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954).

Khi học những kiến thức lịch sử giai đoạn này, học sinh cần lưu ý là tránh sự nhầm lẫn về ý nghĩa lịch sử quan trọng nhất của các thắng lợi chiến lược trên đối với tiến trình của cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc Thu – Đông 1947 đã đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn mới; còn thắng lợi của chiến dịch Biên giới Thu – Đông 1950 đã mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến. Thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953-1954 đã làm phá sản về cơ bản Kế hoạch Nava thì thắng lợi chiến dịch Điện Biên phủ 1954 đã làm phá sản hoàn toàn Kế hoạch Nava, làm xoay chuyển chuyển cục diện chiến tranh ở Đông Dương. Từ đó, học sinh sẽ xâu chuỗi được mối quan hệ biện chứng, nhân quả giữa 2 mặt trận trong kháng chiến: quân sự và ngoại giao. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao của ta giành thắng lợi trong Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954).

Kiến thức lịch sử quan trọng cuối cùng trong giai đoạn này là các em phải phân biệt sự khác nhau giữa 2 khái niệm để tránh sự nhầm lẫn khi ôn tập và làm bài: Hội nghị Giơnevơ và Hiệp định Giơnevơ. Có thể có hội nghị nhưng chưa chắc đã có hiệp định, nhưng một hiệp định chỉ được ký kết và có hiệu lực phải từ một hội nghị. Hội nghị Giơnevơ là một hội nghị quốc tế diễn ra 75 ngày (26/4 đến 21/7/1954) bàn về vấn đề kết thúc chiến tranh ở Triều Tiên và Đông Dương. Hiệp định Giơnevơ được ký kết và có hiệu lực thi hành từ ngày 21/7/1954 là một văn kiện ngoại giao quốc tế giải quyết vấn đề chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Giai đoạn 1954-1975: Học sinh muốn hiểu được những kiến thức với rất nhiều sự kiện, số liệu, ngày tháng trong giai đoạn này, điều trước tiên phải nắm được đặc điểm nổi bật của nước ta sau Hiệp định Giơnevơ có gì mới, tại sao đất nước lại chia làm 2 miền với 2 hoàn cảnh lịch sử khác nhau. Từ đó mới xác định đúng nhiệm vụ chiến lược, vị trí, vai trò của cách mạng 2 miền Nam – Bắc có gì khác nhau, giống nhau.

Ở phần cách mạng miền Bắc, học sinh phải khái quát được vai trò của hậu phương lớn với tiền tuyến lớn được thể hiện như thế nào? Thắng lợi của công cuộc xây dựng CNXH và đánh bại 2 cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ có tác dụng và ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng miền Nam? Vì sao “Điện Biên phủ trên không” (12/1972) là thắng lợi quân sự quyết định buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari (27/1/1973).

Ở phần kiến thức cách mạng miền Nam, học sinh phải xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là từng bước đánh bại và đánh bại hoàn toàn các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, đánh cho “Mỹ cút” (1973), “Ngụy nhào” (1975) nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Mỗi chiến lược chiến tranh đều ra đời trong những bối cảnh lịch sử cụ thể khác nhau, âm mưu và thủ đoạn cũng không giống nhau nhưng đều là những hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ ở miền Nam nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và nhân dân ta và đều lần lượt bị phá sản.

Những thắng lợi quân sự mang tính chiến lược của cách mạng trong giai đoạn 1954-1975 đều là những thắng lợi đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam từ phong trào “Đồng khởi” (1959-1960) đến Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1968, từ cuộc tiến công chiến lược Xuân-Hè 1972 đến cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975.

Khi nắm vững kiến thức cơ bản về bối cảnh lịch sử, nét chính về diễn biến, học sinh sẽ rút ra được sự tác động của các thắng lợi quân sự đối với cục

diện của cuộc kháng chiến, mối quan hệ giữa thắng lợi trên mặt trận quân sự với thắng lợi trên mặt trận ngoại giao, giữa cách mạng XHCN ở miền Bắc với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Mỗi thắng lợi lớn của cách mạng 2 miền đều làm phá sản các chiến lược chiến tranh, buộc đế quốc Mỹ từ chỗ “leo thang” chiến tranh phải “xuống thang” chiến tranh. Đó cũng là sự thể hiện nghệ thuật quân sự quan trọng trong chiến tranh cách mạng Việt Nam là nghệ thuật chiến thắng từng bước, từ khởi nghĩa đến chiến tranh, từ tiến công sang tổng tiến công, từ đánh bại từng bước đến đánh đổ hoàn toàn các âm mưu và hành động của địch.

Giai đoạn 1975-2000: Học sinh nên nắm được 2 vấn đề cơ bản là quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước và Đại hội VI của Đảng và công cuộc đổi mới.

Ở phần kiến thức kiến thức thống nhất đất nước về mặt nhà nước, học sinh cần phải phân biệt giữa khái niệm thống nhất đất nước thể hiện trên 2 lĩnh vực gắn liền với 2 giai đoạn của lịch sử Việt Nam: Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ về cơ bản được giải quyết bằng sự thắng lợi của Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 vào ngày 30/4, giải phóng hoàn toàn miền Nam, chấm dứt sự chia cắt đất nước. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước được thực hiện trong giai đoạn 1975-1976, kết thúc thắng lợi với thành công của Quốc hội khoá IV, nước CH XHCN Việt Nam ra đời. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ là cơ sở, điều kiện tiên quyết để dẫn đến quá trình thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Trong quá trình đánh dấu sự trưởng thành của Đảng, sự kiện Đại hội VI (12/1986) là kiến thức cơ bản, đáng lưu ý nhất trong giai đoạn này bởi tầm quan trọng của Đại hội này gắn liền với công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước sau năm 1975 đến nay. Tìm hiểu Đại hội VI của Đảng, học sinh hiểu sâu sắc được đặt lịch sử Việt Nam trong bối cảnh chung của xu thế toàn cầu hoá, vì sao đổi mới là một xu thế tất yếu, cần đổi mới toàn diện và đồng bộ,

trong đó xem đổi mới về kinh tế là trọng tâm. Thành tựu cơ bản sau hơn 20 năm đổi mới đã đưa nước ta thoát khỏi thế bao vây, cấm vận, từng bước hội nhập với khu vực và thế giới.

B. Phần lịch sử thế giới

Học sinh khi ôn tập, cách học dễ nhớ nhất là ôn tập theo từng vấn đề trên cơ sở bài Tổng kết lịch sử thế giới hiện đại từ 1945 đến 2000. Để tránh sự nhầm lẫn về kiến thức và sự kiện, học sinh nên lập biểu những sự kiện chính theo từng vấn đề và sơ đồ hoá kiến thức theo từng nội dung chủ yếu theo 6 vấn đề (chủ đề) sau:

Thứ nhất: Sự hình thành Trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945-1949). Ở phần kiến thức này, học sinh nên nắm được bối cảnh chính của thế giới vào giai đoạn cuối của chiến tranh thế giới thứ 2 cùng với thay đổi tương quan lực lượng và bất đồng, mâu thuẫn của các cường quốc trong phe Đồng minh dẫn đến sự thoả thuận với nhau về mặt quyền lợi để hình thành nên một Trật tự thế giới mới sau chiến tranh thế giới thứ 2. Gắn liền với trật tự đó là sự ra đời và hoạt động của tổ chức Liên Hợp quốc.

Thứ hai: Liên Xô và các nước Đông Âu (1945-1991), Liên bang Nga (1991-2000). Đây là vấn đề mà nhiều học sinh cho rằng rất khó học, khó nhớ bởi nhiều biến động, biến đổi khó lường của nó sau chiến tranh thế giới thứ 2 đến năm 2000. Các em nên nắm cơ bản 2 vấn đề chính: Những thành tựu cơ bản về kinh tế, khoa học-kỹ thuật của các nước (từ 1945 đến nửa đầu thập kỷ 70); sự khủng hoảng và sụp đổ của CNXH ở các nước này.

Thứ ba: Các nước Á, Phi, Mỹ latin (1945-2000). Có 2 kiến thức cơ bản Khái quát những nét chính về vị trí địa lý, diện tích, tài nguyên, dân cư... của các châu lục, khu vực này. Từ đó, nêu những biến đổi lớn của các nước này trong quá trình đấu tranh giành độc lập cũng như sau khi giành độc lập và những khó khăn, thách thức trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay.

Thứ tư: Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản (1945-2000). Học sinh nên nắm vững 2 vấn đề cơ bản: sự phát triển vượt trội về kinh tế, khoa học-kỹ thuật sau chiến tranh thế giới thứ 2 đã giúp các nước này trở thành 3 trung tâm kinh tế, tài chính, khoa học-kỹ thuật phát triển nhất thế giới; nét cơ bản về chính sách đối ngoại của các quốc gia này đã tác động sâu sắc đến Trật tự thế giới và quan hệ quốc tế sau chiến tranh.

Thứ năm: Quan hệ quốc tế (1945-2000). Học sinh chỉ cần nắm vững 2 kiến thức cơ bản: đối đầu Đông – Tây, hoà hoãn Đông – Tây và tác động của xu thế đó đối với cục diện chính trị thế giới sau chiến tranh thế giới thứ 2; Chiến tranh lạnh kết thúc và sự xuất hiện xu thế mới của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

Thứ sáu: Cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế toàn cầu hoá. Học sinh cần xác định có 2 kiến thức cần ôn tập: Những thành tựu cơ bản của cách mạng khoa học-công nghệ và tác động của nó; Xu thế toàn cầu hoá và tác động của nó đối với các nước đang phát triển.

Theo chúng tôi, trong cơ cấu điểm của đề thi tuyển sinh môn Sử nhiều năm qua thì phần lịch sử thế giới (chọn 1 trong 2 câu) với số điểm từ 2 đến 3 điểm, đây cũng là phần kiến thức các em không mất quá nhiều thời gian học như phần lịch sử Việt Nam. Đây là phần thi tự chọn nên nếu học sinh biết phương pháp, có kỹ năng học và ôn tập tốt thì các em có thể làm tốt hơn phần lịch sử Việt Nam. Điều mà chúng tôi xin nhắc nhở các học sinh trong quá trình tự ôn luyện phần lịch sử thế giới là tùy thuộc vào những câu hỏi, vấn đề liên quan, học sinh có thể liên hệ đến phần lịch sử Việt Nam trong giai đoạn đó, vấn đề đó thì sẽ giúp bài thi có vốn kiến thức phong phú, sinh động và sâu sắc hơn.

Giáo viên: Phạm Ngọc Tấn